

Số: 309/KH-UBND

An Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH
Tổ chức khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm
hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang;

Để thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang phù hợp với tình hình thực tế, làm cơ sở trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo đúng các quy định của pháp luật về khoáng sản, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành kế hoạch tổ chức khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 05/04/2018 về việc phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tuy nhiên, do sự phát triển kinh tế của Tỉnh, nên cần phải rà soát danh mục, diện tích liên quan tới vùng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản để xem xét điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và theo đúng các quy định về khoáng sản. Đồng thời, rà soát, điều chỉnh, bổ sung khu vực cấm hoạt động khai thác cát, sỏi, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông được thực hiện định kỳ 05 năm một lần hoặc khi có sự thay đổi về các khu vực theo quy định tại

Điều 13 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

Từ lý do nêu trên, việc triển khai thực hiện khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang là hết sức cần thiết và cấp bách, nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung, khoanh định lại các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản phục vụ công tác quản lý hoạt động khoáng sản.

2. Yêu cầu

- Khoanh định các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh làm cơ sở thực hiện công tác quản lý, nhằm bảo vệ các lợi ích kinh tế - xã hội, các công trình văn hóa lịch sử, danh lam thắng cảnh, các công trình dân sự trọng điểm, các khu vực dành riêng cho quốc phòng, an ninh, tôn giáo không bị xâm hại bởi hoạt động khoáng sản gây ra.

- Xác định các đối tượng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo Điều 28 Luật khoáng sản và các tiêu chí khoanh vùng khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực cấm hoạt động khai thác, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung, khoanh định lại các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Thu thập tài liệu, cập nhật các thông tin liên quan làm cơ sở khoanh định các vùng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Khảo sát thực địa, đo đạc xác định tọa độ, vị trí những đối tượng phải bảo vệ làm cơ sở khoanh định, điều chỉnh, bổ sung; lập hồ sơ khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Lập bản đồ các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang tỷ lệ 1:100.000 và báo cáo thuyết minh.

- Lập hồ sơ chi tiết các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Hoàn chỉnh hồ sơ “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang” lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan để làm cơ sở trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (thay thế Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

II. NỘI DUNG VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng Kế hoạch khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang; tổ chức lấy ý kiến Sở Tài chính, Sở Tư pháp, và các Sở, ngành có liên quan để làm cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt.

Thời gian thực hiện đến 26/3/2024.

Bước 2: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì lựa chọn đơn vị đủ pháp lý, chức năng, năng lực để tiến hành lập đề cương, dự toán kinh phí thực hiện

nhiệm vụ “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang”. Tổ chức lấy ý kiến các Sở, ngành, địa phương có liên quan để hoàn thiện trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Thời gian thực hiện đến 20/4/2024.

Bước 3: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức lựa chọn đơn vị đủ pháp lý, chức năng, năng lực theo đúng quy định pháp luật để thực hiện nhiệm vụ “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang”.

Thời gian thực hiện đến 20/5/2024.

Bước 4: Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang”.

Thời gian thực hiện đến 30/8/2024.

Bước 5: Tổ chức lấy ý kiến các Sở, ngành có liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp các ý kiến góp ý, thực hiện chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.

Thời gian thực hiện đến 20/09/2024.

Bước 6: Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương có liên quan về kết quả khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp các góp ý, thực hiện chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ.

Thời gian thực hiện đến 20/10/2024.

Bước 7: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hồ sơ khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Đối tượng: Các khu vực theo các tiêu chí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 của Luật Khoáng sản năm 2010; khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2024.

4. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn sự nghiệp năm 2024 của tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này. Về tiến độ thực hiện cần rút ngắn thời gian tối đa theo quy định để hoàn thiện trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong thời gian sớm nhất.

- Lựa chọn đơn vị đủ pháp lý, chức năng, năng lực để tiến hành lập đề cương thực hiện nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh bổ sung khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang; tổ chức lập dự toán chi tiết, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành;

- Chủ trì tổ chức lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề cương;

- Phối hợp với các sở ngành có liên quan để tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn đủ pháp lý, chức năng, năng lực theo đúng quy định pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Sở Tài chính: Cân đối, bố trí nguồn vốn để giao Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh bổ sung khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về bố trí vốn để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Phối hợp, hỗ trợ Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh, bổ sung khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang trong phạm vi, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- TT. TU, HĐND tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh: CT và các PCT (để b/c);
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, P.KTN;
- Lưu: VT.

Đính kèm: Phụ lục các nội dung chính của Đề cương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Minh Thúy